

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/01/2022

V/v “Tranh chấp Ly hôn,
nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Chí Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Phi Hùng

2. Ông Sơn Mút

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Tiềm –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh: không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 150/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số : 02/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Kim E**, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Mỹ Phước 1, xã H, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long; xin vắng mặt .

2. Bị đơn: Anh **Trần Minh H**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Mỹ Phước 1, xã H, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 22 tháng 6 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Phan Thị Kim E trình bày:

Vào tháng 11 năm 2009, chị E và anh Trần Minh H quen biết tìm hiểu nhau nên quyết định cưới có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Trần Minh Tr, sinh ngày 14/10/2010 và Trần Thị Kim T, sinh ngày 16/5/2018. Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Lý do chị E yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh H là do vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh H không lo làm ăn, vợ chồng đã ly thân từ tháng 2 năm 2019 đến nay tình cảm không thể hàn gắn lại được nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay, chị E yêu cầu được ly hôn anh H; về con yêu cầu được nuôi 02 con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng 02 con là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi; về tài sản và nợ không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị E có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc làm ăn ở xa và yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh H; về con yêu cầu được nuôi 02 con chung là cháu Trần Minh Tr, sinh ngày 14/10/2010 và Trần Thị Kim T, sinh ngày 16/5/2018, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn anh Trần Minh H đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 10/01/2022, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, anh Trần Minh H đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập nhưng vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh H đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Như vậy, anh H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Giấy triệu tập hai lần nhưng vẫn vắng mặt và chị Phan Thị Kim E có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị E và anh H là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị E và anh H do quen biết có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân của chị E và anh H là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình hôn nhân, chị E và anh H thường xuyên cãi vã, vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị E xin ly hôn anh H là có căn cứ nên chấp nhận là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, anh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến cũng như không cung cấp các tài liệu chứng cứ thể hiện ý kiến đối với việc chị E yêu cầu ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị E, chị E được ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Chị E và anh H có 02 con chung tên Trần Minh Tr, sinh ngày 14/10/2010 và Trần Thị Kim T, sinh ngày 16/5/2018. Chị E yêu cầu tiếp tục được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là phù hợp vì cháu Tr nguyện vọng muốn sống với mẹ và cháu T hiện còn nhỏ cần được sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo điều kiện phát triển của cháu Tr và cháu T sau này nên chấp nhận chị E được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung và chị E không yêu cầu cấp dưỡng là sự tự nguyện và đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án bên phía bị đơn anh H không cung cấp ý kiến đến việc nuôi con nên chưa có căn cứ để xem xét. Anh H được quyền thăm chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị E không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về nợ chung: Chị E không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị E phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Khoản 2, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Kim E, chị Phan Thị Kim E được quyền ly hôn anh Trần Minh H.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị E, chị E được quyền nuôi 02 con chung là cháu Trần Minh Tr, sinh ngày 14/10/2010 và Trần Thị Kim T, sinh ngày 16/5/2018. Anh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị E không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị E phải nộp án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010910 ngày 25/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, chị E đã nộp xong. Anh H không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi thường trú./.

Nơi nhận:

- TAT. VL;
- VKSTX.BM;THADS.TXBM;
- UBND xã Mỹ Hòa;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Chí Cường